

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 37/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; định hướng thực hiện một số dự án quan trọng tại vùng Tây tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 37/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 190/SKHĐT-KTN ngày 25/01/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Triển khai thực hiện Nghị quyết số 37/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025 (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết*).

Phạm vi thực hiện tại 09 huyện: Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Nam Trà My, Bắc Trà My, Tiên Phước, Hiệp Đức và Nông Sơn.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm**

- Là cơ quan đầu mối chủ trì, tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cân đối các nguồn vốn ngân sách, tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết; chủ động tham mưu xúc tiến, huy động, lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, ODA, vay ưu đãi nước ngoài và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư phát triển hạ tầng miền núi theo điểm c khoản 7 Điều 1 của Nghị quyết. Phối hợp với UBND các huyện xây dựng danh mục dự án đầu tư trọng điểm chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 để tham mưu UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 -2025 khi đảm bảo nguồn.

- Phối hợp với các Sở, Ban, ngành và UBND các địa phương xây dựng danh mục và xúc tiến đầu tư các dự án thu hút doanh nghiệp đầu tư vào miền núi, đặc biệt là các dự án đầu tư thuộc 6 nhóm dự án quan trọng phát triển vùng Tây theo khoản 6 Điều 1 của Nghị quyết.

- Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Sở, Ban, ngành, địa phương; định kỳ hằng năm chủ trì đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết và tham mưu UBND tỉnh tổ chức sơ kết và tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Sở Tài chính: chủ trì tham mưu bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết theo thẩm quyền, định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

3. Ban Dân tộc: chủ trì tham mưu lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội và Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết; giám sát và tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình thực hiện và hiệu quả của Chương trình, định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

4. Các Sở, Ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao căn cứ các nội dung tại Nghị quyết để triển khai thực hiện:

- Xây dựng Kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Nghị quyết, xác định rõ mục tiêu, các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp do ngành quản lý, tiến độ triển khai thực hiện nhiệm vụ; đối với các chỉ tiêu chủ yếu cần chi tiết theo năm và theo huyện đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 05/3/2022** để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)*

- Chủ trì và phối hợp với các địa phương triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách của Trung ương, Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh về cơ chế, chính sách hiện hành đối với lĩnh vực do ngành quản lý.

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)*

- Tiếp tục nghiên cứu tham mưu xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội miền núi; đồng thời lồng ghép với các cơ chế chính sách liên quan của Trung ương (nếu thích hợp)

*(Chi tiết tại Phụ lục III, Phụ lục IV kèm theo).*

- Thường xuyên hướng dẫn, theo dõi, giám sát các địa phương thực hiện các chỉ tiêu, các cơ chế, chính sách đã ban hành, đề xuất các nhiệm vụ giải pháp bổ sung để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc (nếu có) nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư, đảm bảo đạt và vượt mục tiêu và các chỉ tiêu đề ra.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận thông tin, chính sách và các quy định của Nhà nước.

- Chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh nhằm phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội miền núi.

- Định kỳ trước ngày 15/12 hằng năm, báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết (các chỉ tiêu, nguồn vốn và kết quả thực hiện), các cơ chế chính sách của Trung ương, tỉnh do ngành quản lý và dự kiến kế hoạch thực hiện năm sau; gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp tham mưu UBND tỉnh.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể liên quan:

- Phối hợp với các ngành và địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến các chính sách có liên quan cho người dân biết và thực thi hiệu quả.

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ, có kế hoạch phối hợp với UBND các huyện thực hiện tốt các nội dung Nghị quyết, đồng thời có kế hoạch giám sát và tăng cường chức năng phản biện xã hội.

6. Ủy ban nhân dân các huyện: Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Nam Trà My, Bắc Trà My, Tiên Phước, Hiệp Đức và Nông Sơn

- Xây dựng Kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Nghị quyết gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 05/3/2022 để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh. Nội dung kế hoạch phải đảm bảo các nội dung chính: (i) Xác định rõ mục tiêu, các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện đến năm 2025 phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; (ii) Đối với 23 chỉ tiêu chủ yếu: Phối hợp với các Sở, ban,

ngành liên quan chi tiết hóa từng nội dung theo chỉ tiêu chung và chi tiết theo từng năm trên địa bàn huyện.

- Chủ động lồng ghép các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác đầu tư trên địa bàn đảm bảo phát huy cao nhất hiệu quả các chương trình, chính sách và dự án đầu tư trong giai đoạn này.

- Tập trung triển khai thực hiện 6 nhóm dự án quan trọng về phát triển vùng Tây, chủ động lồng ghép thực hiện đồng thời với 10 dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có cùng phạm vi, đối tượng. Đối với đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng, cần rà soát, cân nhắc, lựa chọn, đề xuất các dự án đầu tư trọng điểm, cấp thiết, mang tính chiến lược tác động lớn đến phát triển kinh tế xã hội địa phương.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách tỉnh trên địa bàn huyện, đảm bảo sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

- Tăng cường thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách, đặc biệt là nguồn lực các doanh nghiệp để triển khai thực hiện đảm bảo các mục tiêu Nghị quyết.

- Định kỳ **trước ngày 15/12 hàng năm**, báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết của năm kế hoạch (các chỉ tiêu, nguồn vốn và kết quả thực hiện) và dự kiến kế hoạch năm sau gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ban Dân tộc để tổng hợp tham mưu UBND tỉnh giao kế hoạch hàng năm.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện: Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Nam Trà My, Bắc Trà My, Tiên Phước, Hiệp Đức và Nông Sơn và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TTTU, HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Hội, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND các huyện miền núi;
- Các PVP, các phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, TH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Trí Thanh**

**Phụ lục I**  
**Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022*  
*của UBND tỉnh Quảng Nam)*

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2025	Cơ quan chủ trì
<b>A</b>	<b>Nhóm chỉ tiêu KT-XH</b>		
1	Thu nhập bình quân đầu người (Triệu đồng/năm)	36	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	<21 <sup>1</sup>	Sở Lao động - TB và XH
3	Số hộ được sắp xếp chỗ ở và ổn định sản xuất tăng thêm trong giai đoạn (hộ)	7.821	Sở Nông nghiệp và PTNT
4	Số hộ chính trang nhà ở tại chỗ tăng thêm trong giai đoạn (hộ)	213	
5	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (xã)	55	
6	Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%)	50	Sở Lao động - TB và XH
7	Tỷ lệ diện tích đất lâm nghiệp do hộ gia đình, cá nhân sử dụng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (%)	85	Sở Tài nguyên và Môi trường
8	Diện tích đất rừng trồng sản xuất được cấp giấy chứng chỉ rừng bền vững theo tiêu chuẩn quản trị rừng quốc tế - FSC (ha)	20.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
9	Tỷ lệ giá trị sản phẩm các loại cây trồng được sản xuất dưới các hình thức liên kết (%)	20	
10	Số sản phẩm sản xuất theo các quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) hoặc tương đương (sản phẩm)	18	
11	Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế (%)	100	Ban Dân tộc
12	Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa (%)	35	Sở Văn hóa, TT và DL

<sup>1</sup> Theo chuẩn nghèo mới, tương đương chuẩn nghèo cũ là <10%

<b>B</b>	<b>Nhóm chỉ tiêu môi trường</b>		
13	Tỷ lệ che phủ rừng (%)	>69	Sở Nông nghiệp và PTNT
14	Tỷ lệ xã có rác thải sinh hoạt được tổ chức thu gom (%)	75	Sở Tài nguyên và Môi trường
15	Tỷ lệ khai thác khoáng sản bền vững (%)	84	
<b>C</b>	<b>Nhóm chỉ tiêu hạ tầng</b>		
16	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (%)	95	Sở Nông nghiệp và PTNT
17	Tỷ lệ đường giao thông nông thôn được cứng hóa (%)	81	Sở Giao thông vận tải
18	Tỷ lệ trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia (%)	95	Sở Y tế
19	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện (%)	99,8	Sở Công Thương
20	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia (%), theo từng cấp học:		Sở Giáo dục và Đào tạo
	Mẫu giáo, mầm non	45,1	
	Tiểu học	84	
	Trung học cơ sở	68,2	
	Trung học phổ thông	52,9	
21	Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp phòng tránh thiên tai	80	Sở Nông nghiệp và PTNT
22	Tỷ lệ thôn bản được phủ sóng di động và kết nối internet băng rộng (%)	97	Sở Thông tin và Truyền thông
23	Tỷ lệ xã có hạ tầng CNTT đáp ứng cho hoạt động chính quyền số, phục vụ chuyển đổi số (%)	100	

**Phụ lục II**  
**Danh mục các Chương trình, chính sách theo Nghị quyết**  
**của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)*

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Nội dung/ lĩnh vực
<b>I</b>	<b>Về đầu tư và hỗ trợ đầu tư hạ tầng</b>		
1	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội các xã biên giới đất liền kết hợp với tăng cường và củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 – 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Xã biên giới
2	Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Khuyến khích ĐT NNNT
3	Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 21/4/2020 của HĐND tỉnh về cơ chế khuyến khích đầu tư, hỗ trợ khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	Khu xử lý chất thải
4	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh về đề án phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 – 2025	Sở Thông tin và truyền thông	CCTT và chuyển đổi số
5	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 17/9/2020 của HĐND tỉnh về đề án kiên cố hóa hệ thống đường huyện (ĐH) và giao thông nông thôn (GTNT) trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025	Sở Giao thông vận tải	Đường ĐH và GTNT
6	Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của HĐND tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến tiết kiệm nước giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Thủy lợi
7	Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	SX dân cư
8	Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh về quy định cơ chế khuyến khích, hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.	Sở Xây dựng	Cấp nước
9	Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh về chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Cụm CN

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Nội dung/ lĩnh vực
<b>II</b>	<b>Về hỗ trợ phát triển sản xuất</b>		
1	Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 24/7/2019 của HĐND tỉnh quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2019-2025	Sở Khoa học và Công nghệ	KH-CN
2	Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.	Sở Nông nghiệp & PTNT	Liên kết SX
3	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của HĐND tỉnh về đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp 09 huyện miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2026	Sở Tài nguyên và Môi trường	Cấp giấy CNQSDĐ
4	Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của HĐND tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	OCOP
5	Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	HTX
6	Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh về quy định cơ chế hỗ trợ phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	KT vườn KTTT
7	Nghị quyết số 38/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam về Quy định mức chi hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên trong các lưu vực thủy điện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025;	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quản lý, bảo vệ rừng
8	Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 về Quy định Khung giá rừng và giá cho thuê rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Sở Nông nghiệp và PTNT	Cho thuê rừng
<b>III</b>	<b>Các lĩnh vực khác</b>		
1	Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích đối với học sinh, giáo viên trường Trung học phổ thông chuyên và các trường Trung học phổ thông công lập, Phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025 - 2026.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục



STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Nội dung/ lĩnh vực
2	Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số; học sinh, sinh viên khuyết tật đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021 - 2026.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục
3	Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của HĐND tỉnh về quy định khoảng cách, địa bàn; mức khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP	Sở Giáo dục và Đào tạo	Hỗ trợ học sinh vùng ĐBKK
4	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của HĐND tỉnh về hỗ trợ xây dựng hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021 - 2023	Sở Thông tin và Truyền thông	CNTT
5	Nghị quyết số 32/2021/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của HĐND tỉnh về quy định mức hỗ trợ xây dựng chòi/phòng trú bão, lũ, lụt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	Sở Xây dựng	Phòng tránh thiên tai
6	Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/01/2022 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025	Ban Dân tộc	Bảo hiểm y tế vùng DTTS

### Phụ lục III

#### Danh mục các Chương trình, kế hoạch, đề án nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh ban hành thực hiện trong giai đoạn 2022 - 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành
<b>I</b>	<b>Về đầu tư hạ tầng và thu hút đầu tư</b>		
1	Xây dựng danh mục các dự án trọng điểm miền núi đầu tư giai đoạn 2022-2025 bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn		
2	Xây dựng Cơ chế phát triển mạng lưới giao thông kết nối liên vùng tạo điều kiện phục hồi phát triển kinh tế xã hội Quảng Nam (trong đó lưu ý đề nghị Trung ương đầu tư hoàn thiện các công trình Quốc lộ kết nối từ khu vực đồng bằng lên miền núi giai đoạn 2022-2025)	Sở kế hoạch và Đầu tư	Quý 1/2022
3	Rà soát đầu tư sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn các hồ chứa, kè chống sạt lở, công trình phòng chống thiên tai tại 9 huyện miền núi có nguy cơ tổn thương do tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu đến năm 2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quý 2/2022
4	Tổng kết đầu tư thí điểm các dự án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đến vùng nguyên liệu và nghiên cứu đề xuất đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông mang tính đột phá đến các vùng sản xuất 09 huyện miền núi đến năm 2025	Sở Giao thông vận tải	Quý 1/2023
5	Xây dựng danh mục dự án trọng điểm thu hút đầu tư vào khu vực miền núi giai đoạn 2021-2025, tham mưu tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để giới thiệu tiềm năng, lợi thế của khu vực miền núi tỉnh Quảng Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm
6	Xây dựng và xúc tiến nguồn ODA vay ưu đãi nước ngoài đầu tư đảm bảo phát triển bền vững khu vực miền núi tỉnh (trên cơ sở rà soát các dự án đầu tư hạ tầng miền núi chưa có trong danh mục dự án đầu tư công kế hoạch trung hạn 2021-2025)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2023

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành
7	Tiếp tục xúc tiến tạo điều kiện thuận lợi triển khai nhanh các dự án du lịch sinh thái: Suối khoáng nóng A Păng; Du lịch sinh thái Trường Sơn - Sông Bung; Cổng trời Đông Giang; Khu nghỉ dưỡng cao cấp Tây Bà Nà.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Giai đoạn 2021-2025
8	Xây dựng danh mục dự án thu hút đầu tư các khu nghỉ dưỡng chất lượng cao gắn với hình thức du lịch sinh thái, trải nghiệm, mạo hiểm khu vực miền núi (trên cơ sở khai thác lợi thế về cảnh quan, môi trường, văn hóa truyền thống của vùng đồng bào DTTS và lợi thế về các tuyến giao thông kết nối)	Sở Văn hóa, TT và DL	Quý 1/2023
<b>II</b>	<b>Về hỗ trợ phát triển sản xuất</b>		
1	Xây dựng Kế hoạch trồng rừng gỗ lớn giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý 3/2022
2	Xây dựng Đề án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025, định hướng 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý 1/2022
3	Xây dựng Đề án thí điểm kinh doanh tín chỉ cac-bon rừng từ REDD+ tỉnh Quảng Nam	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý 2/2022
4	Xây dựng Đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý 1/2022
5	Đề án nâng cao năng lực PCCCR tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 – 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý 1/2022
6	Xây dựng vườn giống, rừng giống đối với các loài cây lâm nghiệp bản địa và lâm sản ngoài gỗ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý 4/2022
7	Nghiên cứu, đề xuất loài cây trồng kết hợp làm băng cản lửa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý 4/2022
8	Chuyển giao công nghệ chế biến dược liệu và lâm	Sở Nông	Quý 2/2022

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành
	sản ngoài gỗ	nghiệp và PTNT	
9	Thúc đẩy thực hiện QLBVR và chứng chỉ rừng cho hộ gia đình theo tiêu chuẩn QLBVR của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia (VFCS)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Hàng năm
10	Xây dựng mô hình trồng rừng bản địa gỗ lớn kết hợp dược liệu, lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Hàng năm
11	Xây dựng và nhân rộng mô hình quản lý rừng cộng đồng gắn với cải thiện sinh kế cho người dân.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Hàng năm
12	Xây dựng mô hình trồng một số loài cây dược liệu có giá trị kinh tế trên địa bàn huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam	Sở Nông nghiệp và PTNT	Hàng năm
13	Rà soát quy hoạch các điểm tái định cư phòng chống thiên tai khu vực miền núi	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý 2/2022
14	Xây dựng các khu tái định cư, công trình công cộng đảm bảo phòng tránh thiên tai tại chỗ	UBND các huyện miền núi	Hàng năm
15	Xây dựng và nhân rộng mô hình nuôi cá trong các lòng hồ thủy điện	Sở Nông nghiệp và PTNT	Hàng năm
16	Đề án xây dựng và sửa chữa nhà làng truyền thống giai đoạn 2022-2030	Sở Văn hóa, TT và DL	Quý 4/2022
17	Chương trình phát triển du lịch nông thôn gắn với bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2025	Sở Văn hóa, TT và DL	Quý 2/2022 (sau khi Trung ương ban hành Chương trình)
18	Xây dựng Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong khu rừng đặc dụng, phòng hộ	Sở Văn hóa, TT và DL, Sở Nông nghiệp & PTNT	Quý 4/2022
<b>III</b>	<b>Các nội dung hỗ trợ khác</b>		

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Cơ quan chủ trì</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
1	Xây dựng Kế hoạch quản lý khai thác tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2021-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quý 1/2022
2	Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường trong quá trình phát triển các hoạt động kinh tế giai đoạn 2021-2025		Quý 2/2022
3	Xây dựng kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải giai đoạn 2021-2025		Quý 2/2022
4	Tăng cường công tác nghiên cứu và ứng dụng KH&CN phục vụ sản xuất, chế biến, bảo quản và nâng cao chất lượng các sản phẩm đặc trưng của miền núi giai đoạn 2021 - 2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
5	Đề án thí điểm giảm nghèo bền vững đối với vùng đồng bào DTTS	Sở Lao động, TB và XH	Quý 2/2022
6	Đề án Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển nâng cao chất lượng giáo dục các trường Phổ thông dân tộc nội trú, Phổ thông dân tộc bán trú tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quý 3/2022
7	Kế hoạch tổ chức mô hình vừa học, vừa làm tại các trường THPT miền núi giai đoạn 2021-2025 (bao gồm phương án thí điểm tại các trường THPT miền núi)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quý 2/2022
8	Phương án phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS vào học tại các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp và định hướng nghề nghiệp cho học sinh THCS, THPT	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quý 3/2022
9	Tăng cường hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ phát triển thương mại điện tử kết nối cung cầu sản phẩm miền núi	Sở Công Thương	Hàng năm
10	Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Nam		Quý 1/2022
11	Xây dựng kế hoạch đảm bảo quốc phòng khu vực	Bộ Chỉ huy	Quý 4/2021

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành
	miền núi giai đoạn 2021-2025	Quân sự tỉnh	
12	Xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh khu vực miền núi giai đoạn 2021-2025	Công an tỉnh	Quý 4/2021
13	Tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên về công tác phát triển kinh tế - xã hội miền núi	Sở Nội vụ	Hàng năm
14	Tuyên truyền nâng cao nhận thức trong Nhân dân về công tác phát triển kinh tế - xã hội miền núi	UBND 9 huyện miền núi	Hàng năm

## Phụ lục IV

### Danh mục các Chương trình, đề án nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành thực hiện trong giai đoạn 2022 - 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022  
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành
<b>I</b>	<b>Về đầu tư và hỗ trợ đầu tư hạ tầng</b>		
1	Đề án cơ chế để lại nguồn thu để đầu tư kết cấu hạ tầng cho các huyện miền núi	Sở Tài chính	Quý 2/2022
2	Đề án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025	Ban Dân tộc	Quý 2/2022
3	Đề án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022 - 2025	Sở Lao động, TB&XH	Quý 2/2022
4	Đề án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý 2/2022
5	Đề án hỗ trợ đầu tư các công trình nước sinh hoạt nông thôn và miền núi giai đoạn 2022-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý 4/2022
6	Xây dựng cơ chế hỗ trợ xây dựng chợ trung tâm cụm xã	Sở Công Thương	Quý 3/2022
<b>II</b>	<b>Về hỗ trợ phát triển sản xuất</b>		
1	Đề án phát triển sâm Ngọc Linh và các loại dược liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2030 (phối hợp với các Bộ ngành Trung ương xây dựng Chương trình quốc gia phát triển Sâm Ngọc Linh giai đoạn 2022 - 2030, định hướng đến 2045)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý 2/2022
2	Đề án hỗ trợ hộ gia đình mất đất sản xuất do thiên tai miền núi tỉnh giai đoạn 2022 - 2025	Ban Dân tộc	Quý 2/2022
3	Đề án về cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển chăn nuôi bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 (bao gồm cơ chế khuyến khích chăn nuôi nông hộ trên địa bàn miền núi)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý 4/2022

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành
4	Đề án phát triển cây ăn quả trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý 2/2022
5	Đề án về chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý 2/2022
6	Đề án về cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp và phát triển công nghiệp chế biến nông sản tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2022 - 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Quý 3/2022
7	Đề án hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị một số loại hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Quảng Nam gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2022 - 2025	Sở Văn hóa, TT và DL	Quý 2/2022
8	Đề án Hỗ trợ phát triển một số điểm du lịch cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Nam đến năm 2025	Sở Văn hóa, TT và DL	Quý 1/2022
9	Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong khu rừng đặc dụng, phòng hộ	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với Sở Văn hóa, TT và DL	Quý 4/2022
<b>III</b>	<b>Các lĩnh vực khác</b>		
1	Đề án chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2022 - 2025	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý 2/2022
2	Đề án hỗ trợ đào tạo lao động tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 - 2025	Sở Lao động, TB&XH	Quý 2/2022
3	Chương trình hỗ trợ thoát nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Lao động, TB&XH	Quý 3/2022
4	Đề án thí điểm giảm nghèo bền vững đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Sở Lao động, TB&XH	Quý 2/2022



STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành
5	Nghị quyết về giảm nghèo chủ động, bền vững khu vực miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2026	Sở Lao động, TB&XH	Quý 4/2022
6	Nghị quyết về hỗ trợ thanh niên Dân tộc thiểu số là chủ hộ nghèo thoát nghèo bền vững giai đoạn 2023-2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.	Sở Lao động, TB&XH	Quý 1/2023
7	Đề án tập trung nguồn lực đầu tư phát triển nâng cao chất lượng giáo dục các trường Phổ thông dân tộc nội trú, Phổ thông dân tộc bán trú tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quý 2/2022